

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Kha.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Vũ Yên và ông Nguyễn Thái Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 Tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu phố Đông Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu phố Đông Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Tôi và chồng là anh Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì sau đó phát sinh mâu thuẫn kinh cãi vào năm 2013 và anh Q có hành vi bạo lực và lời nói đe dọa đối với chị T và con; từ đó đến nay 02 vợ chồng tình cảm dần phai nhạt; không ai quan tâm tới cảm xúc, T tư, nguyện vọng của nhau; anh Q sống không có trách nhiệm với gia đình nhưng vì các con còn nhỏ nên chị T cố gắng chịu đựng; đến nay các con đã

trưởng thành, bản thân chị T muốn được tự do quyết định các vấn đề bản thân, không muốn ràng buộc về mặt pháp lý vợ chồng với anh Q nữa. Chị T xác định hiện tại tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quốc Bảo, sinh ngày 21/7/1998 và cháu Trần Lê Đăng Khoa, sinh ngày 10/11/2005; các cháu đều đã trưởng thành, cháu Bảo đã đi làm và cháu Khoa đang học đại học nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Q vắng mặt tại các buổi làm việc và có ý kiến trình bày không đồng ý ly hôn; ngoài ra anh Q không trình bày gì khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc nội dung giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị T được ly hôn với anh Q. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng

Về thẩm quyền: Chị T có đơn khởi kiện đối với anh Q về việc xin ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa thụ lý giải quyết theo thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn như vậy hôn nhân được xác định là hợp pháp. Qua các chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX thấy rằng giữa chị T và anh Q đã phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nhưng từ năm 2013 đến nay mâu thuẫn không được giải quyết dứt điểm dẫn đến chị T gửi đơn yêu cầu ly

hôn; quá trình giải quyết vụ án chị T đã nhiều lần đề nghị anh Q đến Tòa để cùng giải quyết mâu thuẫn và Tòa án cũng nhiều lần triệu tập anh Q đến để giải quyết vụ án nhưng anh Q bỏ mặc không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án triệu tập liên quan đến vụ án ly hôn giữa hai vợ chồng mà chỉ có ý kiến không đồng ý ly hôn. Quá trình làm việc và tại phiên tòa chị T khẳng định hiện tại giữa hai người thì người nào chỉ biết bốn phận người đó, anh Q bỏ mặc vợ không Q T tới T tư, nguyện vọng của vợ. Anh Q đề nghị không đồng ý ly hôn nhưng chị T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn tình cảm gia đình giữa chị T và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T xin được ly hôn anh Q.

[3] Về nuôi con chung: Hiện tại 02 con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai số 0008974 ngày 05/2/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc

niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Sơn Hòa;
- Chi cục THADS H.Sơn Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND TT Cùmg Sơn, H. Sơn Hòa;
(GCNKH số 07 quyền 03/1997)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Kha

